

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 12-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Trí;

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 348/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Lệ D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 2 đường N, khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 2 đường N, khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Châu Thị Lệ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01, ngày 18/3/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 2 đường N, khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

ông T ghen tuông rồi nhiều lần đánh bà D. Trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề phát sinh hàng ngày. Cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Nay bà D nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, việc tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không còn ý nghĩa gì nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Châu Hồng N, sinh ngày 31/10/2000 và Nguyễn Châu Ánh N, sinh ngày 04/7/2010. Hiện công việc cũng như thu nhập của bà D không ổn định, còn ông T có đủ điều kiện chăm sóc con chung nên bà D đồng ý giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Châu Hồng N hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh (bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ T báo thụ lý vụ án, T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Văn T tại nơi cư trú. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Lệ D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Văn T đang cư trú tại phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà D xác định quá trình chung sống, giữa bà D và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến bà D và ông T thường xảy ra cãi nhau, thậm chí là xô xát, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, ngột ngạt. Vì thương các con, bà D và ông T đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn, với mong muốn gia đình đoàn tụ, cùng nhau chăm lo cho các con chung, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm đến nhau. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông T. Qua xác minh tại địa phương nơi bà Dung, ông T cư trú thì vợ chồng bà D và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn tới xô xát, bà D yêu cầu ban điều hành khu phố can thiệp. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, về phía ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ việc nhưng đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Châu Hồng N, sinh ngày 31/10/2000 và Nguyễn Châu Ánh N, sinh ngày 04/7/2010. Đối với con chung tên Nguyễn Châu Hồng N hiện đã trên 18 tuổi nên bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng. Đối với cháu N, bà D yêu cầu sau khi ly hôn, ông T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định hiện

nay bà phải thuê nhà trọ để ở, không có công việc và thu nhập ổn định. Qua xác minh tại địa phương, thì hiện nay cháu N đang sinh sống ổn định cùng ông T tại nhà số 2 đường N, Khu phố 6, phường H; bản thân ông T có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, việc giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Lệ D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Lệ D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung:

+ Giao con chung tên Nguyễn Châu Ánh N, sinh ngày 04/7/2010 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

+ Đối với con chung tên Nguyễn Châu Hồng N, sinh ngày 31/10/2000, hiện đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Lệ D phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000021 ngày 15/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sinh

